

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 11-Phòng Đầu tư, Môi trường
Tháng 5 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công g	XL	Lương	Công g	Lương	Công g	Lương				BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Đoàn phí	Thuế TNCN 2021	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Tiền ăn DV			
1	01	Tổ quản lý			60		45.360.000			9	3.639.385		480.000	49.479.385	2.576.600	483.200	322.200	433.000	165.000			171.600			4.151.600	45.327.785	
1	HL-00081	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng phòng	11.446.000	22	A	18.399.529			1	440.231			18.839.760	915.700	171.700	114.500	149.000	55.000						1.405.900	17.433.860	
2	HL-00469	Phạm Văn Đại	Phó phòng	10.483.000	16	A	11.351.777			7	2.822.346		480.000	14.654.123	877.100	164.500	109.700	135.000	55.000			171.600			1.512.900	13.141.223	
3	HL-00155	Vũ Văn Quyết	Phó phòng	9.797.000	22	A	15.608.694			1	376.808			15.985.502	783.800	147.000	98.000	149.000	55.000						1.232.800	14.752.702	
2	08	Tổ chuyên viên			171		82.590.900	4	862.923	24	5.454.269	60.219		88.968.312	3.875.800	727.000	484.600	838.900	495.000	60.000	15.000		528.750	260.000	7.285.050	81.683.262	
4	HL-01941	Vũ Quang Đức	Chuyên viên	6.818.000	22	A	10.598.459			1	262.231			10.860.690	545.500	102.300	68.200	101.400	55.000						872.400	9.988.290	
5	HL-00095	Nguyễn Văn Thành	Chuyên viên	6.184.000	22	A	10.598.459			1	237.846			10.836.305	494.800	92.800	61.900	101.900	55.000						806.400	10.029.905	
6	HL-07075	Phạm Thanh Tùng	Chuyên viên	5.609.000	13	A	6.262.726			11	2.373.038			8.635.764	448.800	84.200	56.100	80.500	55.000				213.000	104.000	1.041.600	7.594.164	
7	HL-00149	Phạm Văn Sơn	Chuyên viên	6.184.000	12	A	5.780.978							5.780.978				57.800	55.000				315.750	156.000	584.550	5.196.428	
8	HL-00709	Lã Tuấn Anh	Chuyên viên	6.184.000	22	A	10.810.428			1	237.846			11.048.274	494.800	92.800	61.900	104.000	55.000						808.500	10.239.774	
9	HL-02217	Nguyễn Văn Hậu	Chuyên viên	5.609.000	24	A	11.561.955			1	215.731			11.777.686	448.800	84.200	56.100	111.900	55.000						756.000	11.021.686	
10	HL-04798	Nguyễn Quang Danh	Chuyên viên	5.609.000	19	A	9.153.215			4	862.923			10.016.138	448.800	84.200	56.100	94.300	55.000	30.000					768.400	9.247.738	
11	HL-00165	Phạm Trường Huy	Chuyên viên	6.818.000	19	A	9.153.215			4	1.048.923			10.202.138	545.500	102.300	68.200	94.900	55.000						865.900	9.336.238	
12	HL-01231	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Chuyên viên	5.609.000	18	A	8.671.466	4	862.923	1	215.731	60.219		9.810.339	448.800	84.200	56.100	92.200	55.000	30.000	15.000				781.300	9.029.039	
Tổng cộng					231		127.950.900	4	862.923	33	9.093.654	60.219	480.000	138.447.697	6.452.400	1.210.200	806.800	1.271.900	660.000	60.000	15.000	171.600	528.750	260.000	11.436.650	127.011.047	

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 6 năm 2022
P.GIÁM ĐỐC

LẬP BIỂU

PHÒNG TCNS

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thỏa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng